

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU**

Số: 3163 /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Cầu, ngày 12 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý 3/2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bến Cầu Khóa XI, Kỳ họp thứ mười hai về dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách huyện, xã, thị trấn năm 2021;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 190/TTr-TCKH ngày 08 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2021 của huyện Bến Cầu.

(Phụ lục các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2: Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cổng thông tin điện tử;
- Sở Tài chính;
- TTHU-HĐND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

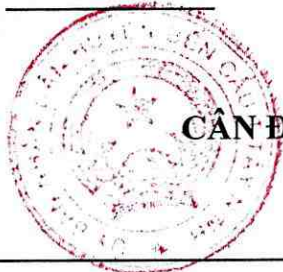
me

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Mềm



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 3 NĂM 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	THỰC HIỆN QUÝ 3	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	326 600	72 853	22,31%	102,83%
I	Thu cân đối NSNN	326 600	72 853	22,31%	102,83%
1	Thu nội địa	99 200	24 853	25,05%	149,09%
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	212 640	48 000	22,57%	88,60%
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	14 760			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	326 600	69 172	21,18%	108,94%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	315 600	68 800	21,80%	108,35%
1	Chi đầu tư phát triển	45 160	8 636	19,12%	138,53%
2	Chi thường xuyên	264 470	57 391	21,70%	101,51%
3	Dự phòng ngân sách	5 970	2 773	46,45%	382,48%
II	CHI TỪ NGUỒN TỈNH HỖ TRỢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	8 760	372		
III	CHI SỰ NGHIỆP XÃ HỘI TỪ NGUỒN CCTL HUYỆN	2.240			



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 3 NĂM 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ 3	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	326.600	69.172	21,18%	108,94%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	315.600	68.800	21,80%	108,35%
I	Chi đầu tư phát triển	45.160	8.636	19,12%	138,53%
1	- Chi đầu tư cho các dự án	25.960	8.636	33,27%	138,53%
2	- Chi từ nguồn thu ND 167/2017/ND-CP	19.200			
II	Chi thường xuyên	264.470	57.391	21,70%	101,51%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	124.330	28.027	22,54%	103,44%
2	Chi khoa học công nghệ	160	6	3,75%	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.500	369	24,60%	
4	Chi văn hóa, thể thao và truyền thanh	4.172	916	21,96%	98,81%
5	Chi bảo vệ môi trường	3.330	1.072	32,19%	7146,67%
6	Chi sự nghiệp kinh tế	24.237	7.109	29,33%	117,41%
7	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	64.172	18.319	28,55%	147,82%
8	Chi đảm bảo xã hội	12.000	2.908	24,23%	53,68%
III	Dự phòng ngân sách	5.970	2.773	46,45%	382,48%
B	CHI TỪ NGUỒN TỈNH HỖ TRỢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	8 760	372	4,25%	3,91%
C	CHI SỰ NGHIỆP XÃ HỘI TỪ NGUỒN CCTL HUYỆN	2 240			

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 3 NĂM 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ 3	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	311 840	72 853	23,36%	102,83%
I	Thu nội địa	99 200	24 853	25,05%	149,09%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	23 600	3 337	14,14%	50,78%
4	Thuế thu nhập cá nhân	17 500	2 671	15,26%	79,16%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	9 000	601	6,68%	54,00%
7	Thu phí và lệ phí	2 000	44	2,20%	10,48%
8	Các khoản thu về nhà, đất	38 000	16 587	43,65%	478,70%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		13		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	1	1,00%	1,54%
-	Thu tiền sử dụng đất	18 200	16 573	91,06%	541,96%
-	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	500		0,00%	0%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	19 200			
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	9 000	1 591	17,68%	93,37%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	100	22	22,00%	100,00%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	211 404	48 000	22,71%	88,60%
	Thu bổ sung cân đối	197 854	48 000	24,26%	106,67%
	Thu bổ sung có mục tiêu	13 550		0,00%	0,00%
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1 236			
1	Từ các khoản thu phân chia	1 236			
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%				